

Bản án số: 498/2017/HSST

Ngày: 29/11/2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Thiều Thị Phi Loan
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Huyền – Cán bộ Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Lê Sỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 501/2017/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Phúc H.** Sinh năm 1982.

Nơi đăng ký NKTT: Số 204, khu 1, ấp 3, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Như trên.

Trình độ học vấn: 3/12. Nghề nghiệp: Không.

Con ông Trương Văn P, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1954.

Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Hiện đang sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1986 và chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 28-08-2017. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Bị cáo Trương Phúc H bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trương Phúc H là người sử dụng heroin. Từ ngày 21 đến ngày 28-08-2017, H đi đến khu vực hầm Thủ Thiêm, Quận 1, thành phố H mua của một

người đàn ông không rõ lai lịch 02 lần 02 gói heroin giá 700.000đồng (Bảy trăm nghìn đồng)/gói. Sau đó, H phân thành nhiều gói nhỏ để sử dụng và bán cho Trần Võ Thanh T, sinh năm 1982, ngụ tại K3/295, ấp T, phường B, thành phố B. Cụ thể:

Ngày 22 và ngày 25 tháng 08 năm 2017, T gọi điện vào điện thoại di động của H có số thuê bao 01214841655 hỏi mua heroin. H đồng ý và hẹn T đến khu vực thuộc khu phố 1, phường L, thành phố B. Tại đây, H đã bán cho T 02 lần 04 gói heroin giá 100.000đồng (Một trăm nghìn đồng)/gói.

Lúc 14 giờ ngày 28-08-2017, H điều khiển xe mô tô biển số 60F2-55359 đến khu phố 1, phường L, thành phố B bán cho T 02 gói heroin với giá 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) thì bị Đội cảnh sát điều tra về ma túy Công an thành phố B bắt quả tang.

* Tang vật thu giữ của T:

- 02 đoạn ống hút nước giải khát dài khoảng 1,5cm hàn kín hai đầu bên trong chứa chất bột màu trắng, H và T khai là heroin, đã được niêm phong, ký hiệu M1, có chữ ký của Trương Phúc H và Trần Võ Thanh T.

* Tang vật thu giữ của H:

- 30 đoạn ống hút nước giải khát dài khoảng 1,5cm hàn kín hai đầu bên trong chứa chất bột màu trắng, H khai là heroin, đã được niêm phong, ký hiệu M2, có chữ ký của Trương Phúc H.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có số Imei: 358906073938306 sử dụng số thuê bao 01214841655 và 01229955594, H dùng vào việc phạm tội.

- 01 xe mô tô biển số 60F2-55359 là tài sản của chị Nguyễn Hồng Q (chị Q sống chung với H như vợ chồng), chị Q không biết việc H sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra Công an thành phố B đã trao trả xe cho chị Q.

- 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) là tiền H bán ma túy mà có.

Tại kết luận giám định số 370/PC54-GĐMT ngày 27-09-2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ đã kết luận:

- Tinh thể màu trắng chứa trong mẫu M1 được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có trọng lượng là: 0,0643gam, loại: Heroin.

- Tinh thể màu trắng chứa trong mẫu M2 được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có trọng lượng là: 0,5885gam, loại: Heroin.

Tại cáo trạng số 517/CT/VKS-HS ngày 26 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Trương Phúc H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B Hòa tham gia phiên tòa nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo điều khoản và tội danh nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử vận dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Bị cáo Trương Phúc H trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo,

ăn năn hối cải (theo quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự). Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt:

Bị cáo Trương Phúc H từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù;

Tại phiên tòa, bị cáo H không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho bị cáo sớm được trở lại cộng đồng xã hội.

- Về án phí: Bị cáo Trương Phúc H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ ý, kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

- Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. B, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về nội dung vụ án:

Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo H đã khai nhận bị cáo là người nghiện ma túy. Từ ngày 22 đến ngày 28 tháng 08 năm 2017, bị cáo đã 03 lần bán ma túy cho Trần Võ Thanh T, cụ thể:

Ngày 22 và ngày 25 tháng 08 năm 2017, Tú gọi điện vào điện thoại di động của bị cáo có số thuê bao 01214841655 hỏi mua heroin. Bị cáo đồng ý và hẹn T đến khu vực thuộc khu phố 1, phường Long Bình Tân, thành phố B. Tại đây, bị cáo đã bán cho T 02 lần 04 gói heroin, với giá 100.000đồng (Một trăm nghìn đồng)/gói.

Lúc 14 giờ ngày 28-08-2017, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 60F2-55359 đến khu phố 1, phường Long B, thành phố B tiếp tục bán cho T 02 gói heroin với giá 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) thì bị Đội cảnh sát điều tra về ma túy Công an thành phố B bắt quả tang.

Tại kết luận giám định số 370/PC54-GĐMT ngày 27-09-2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ đã kết luận:

+ Tinh thể màu trắng chứa trong mẫu M1 được niêm phong (có chữ ký của Trương Phúc H và Trần Võ Thanh T) gửi đến giám định là ma túy, có trọng lượng là: 0,0643gam, loại: Heroin.

+ Tinh thể màu trắng chứa trong mẫu M2 được niêm phong (có chữ ký của Trương Phúc H) gửi đến giám định là ma túy, có trọng lượng là: 0,5885gam, loại: Heroin.

Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu được thể hiện tại hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo H đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 194 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, nên bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt “phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân thành phố B đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình.

- Về tính chất, mức độ, hành vi: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự. Tệ nạn ma túy là hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây thiệt hại lớn về kinh tế, gây tác hại cho sức khỏe, làm suy thoái giống nòi, phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội và an ninh quốc gia. Bản thân bị cáo cũng đủ nhận thức và biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn cho người sử dụng và đối với xã hội, mọi hành vi sản xuất, vận chuyển, tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy đều bị pháp luật nghiêm cấm. Nhưng bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, lấy lợi nhuận từ việc mua bán ma túy để dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy. Do vậy, cần phải có một mức án nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt: chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

+ Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS năm 1999 quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa xét thấy bị cáo Hùng không có nghề nghiệp, bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, nên bị cáo không có đủ điều kiện và khả năng thi hành hình phạt bổ sung do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án:

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có số Imei: 358906073938306 sử dụng số thuê bao 01214841655 và 01229955594, bị cáo H dùng vào việc phạm tội và số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) là tiền bị cáo Hùng bán trái phép chất ma túy mà có. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ Đối với 01 (một) gói niêm phong số 370/PC54-GĐMT ngày 28/9/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đ (mẫu vật còn lại sau giám định) là vật cấm lưu hành. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu và tiêu hủy.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/11/2017 và biên lai thu tiền số 009521 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự TP B, tỉnh Đ).

+ Đối với 01 xe mô tô biển số 60F2-55359 là tài sản của chị Nguyễn Hồng Q (chị Q sống chung với bị cáo H như vợ chồng), chị Q không biết việc bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra Công an thành phố B đã trao trả xe cho chị Q, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với Trần Võ Thanh T đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt hành chính, là đúng theo thẩm quyền quy định.

Đối với người đàn ông không rõ lai lịch đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

- Về án phí: Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trương Phúc H** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trương Phúc H **07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2017.

3. Về xử lý vật chứng trong vụ án:

- Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có số Imei: 358906073938306 sử dụng số thuê bao 01214841655 và 01229955594, bị cáo H dùng vào việc phạm tội và số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) là tiền bị cáo H bán trái phép chất ma túy mà có.

+ Tịch thu và tiêu huỷ: 01 (một) gói niêm phong số 370/PC54-GĐMT ngày 28/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ (mẫu vật còn lại sau giám định) là vật cấm lưu hành.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/11/2017 và Biên lai thu tiền số 009521 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự TP B, tỉnh Đ).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Bị cáo Trương Phúc H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Trương Phúc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Trại giam TP Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Hùng